

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 3/2016

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị.

**Nội dung báo cáo:**

Đề mục	Nội dung đề mục
Mục I	<a href="#">Mục đích khảo sát</a>
Mục II	<a href="#">Quá trình thực hiện</a>
Mục III	<a href="#">Kết quả khảo sát</a>
	A. <a href="#">Khảo sát về chất lượng đào tạo (phương pháp giảng dạy, cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ)</a>
	B. <a href="#">Tình hình việc làm của SVTN</a>
Mục IV	<a href="#">Kiến nghị</a>

**I. [Mục đích khảo sát](#)**

1. Tìm hiểu thông tin tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
2. Thu thập ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo, công tác quản lý và phục vụ đào tạo của nhà trường nhằm đề ra giải pháp cải tiến kịp thời, phù hợp.

**II. [Quá trình thực hiện](#)**

**1. Thời gian**

Từ ngày 11/04/2016 → 10/05/2016

**2. Đối tượng**

Sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 3/2016 (Có 708/927 – 76% sinh viên tốt nghiệp tham gia khảo sát).

**3. Phương pháp**

Sinh viên tốt nghiệp trả lời Phiếu khảo sát online trên trang web <http://danhgia.hcmute.edu.vn>.

### III. Thống kê kết quả

#### **✚ Mô tả phiếu khảo sát**

Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 3/2016 bao gồm 3 mục lớn:

#### **Mục A. Khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo của Nhà trường.**

Sinh viên tốt nghiệp nhận xét chương trình đào tạo đã học và đánh giá mức độ đáp ứng với thực tế công việc. Sinh viên tốt nghiệp chọn một trong 5 mức, từ Rất không đồng ý → Hoàn toàn đồng ý.

Ngoài ra, ở mục này còn khảo sát ý kiến sinh viên về kỹ năng mềm, hoạt động đoàn hội, cơ sở vật chất, các hoạt động ngoại khoá.

#### **Mục B. Thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.**

Mục B bao gồm các câu hỏi về tình hình nghề nghiệp, thu nhập của sinh viên sau khi đi làm và đào tạo thêm từ doanh nghiệp và những thông tin khác. Sinh viên trả lời bằng cách chọn vào các phương án đã được liệt kê sẵn hoặc viết vào các ô trống.

#### **Mục C. Các thông tin khác của sinh viên tốt nghiệp.**

#### **✚ Kết quả khảo sát**

#### **Mục A. Khảo sát về chất lượng đào tạo**

#### **1. Sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về nội dung và phương pháp giảng dạy:**

Bảng 1: Sự hài lòng của sinh viên về nội dung và phương pháp giảng dạy

<b>Nội dung câu hỏi</b>	<b>Không đồng ý (%)</b>	<b>Phân vân (%)</b>	<b>Đồng ý (%)</b>
1. Chương trình đào tạo được phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	8,6	15,3	76,1
2. Nội dung thực hành/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu về công nghệ	8,3	21,6	70
3. GV thường xuyên kết nối nội dung bài học với thực tiễn	7,6	18,9	73,5
4. Phương pháp giảng dạy đa dạng và giúp anh/chị tích cực hơn trong việc học	7,6	19,5	72,8
5. Phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	6,2	13,4	80,4
6. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị chủ động lựa chọn học phần, thiết kế lộ trình học tập linh hoạt	6,8	15,4	77,8

Từ số liệu bảng 1 cho thấy hầu hết sinh viên hài lòng về nội dung và phương pháp giảng dạy của Nhà trường. Cụ thể, 76% sinh viên hài lòng về sự phân bố giữa môn lý thuyết và thực hành, 70% sinh viên cho rằng nội dung thực hành thí nghiệm phù hợp với công nghệ hiện tại. Ngoài ra, 72,8% sinh viên đánh giá phương pháp giảng dạy của Nhà trường là đa dạng và giúp sinh viên tích cực hơn trong việc học và có đến 80% cho rằng phương pháp kiểm tra đánh giá của Nhà trường phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đây là những điểm mạnh của Nhà trường, đề nghị Nhà trường tiếp tục cố gắng tích cực trong việc cải tiến chất lượng và phương pháp giảng dạy, ngày càng hoàn thiện hơn nữa để đáp ứng yêu cầu của người học và xã hội.

## **2. Chương trình đào tạo giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng học tập và kỹ năng làm việc:**

Bảng 2: Chương trình đào tạo giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng học tập và kỹ năng làm việc

<b>Nội dung câu hỏi</b>	<b>Không đồng ý (%)</b>	<b>Phân vân (%)</b>	<b>Đồng ý (%)</b>
1. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị xây dựng phương pháp học tập hiệu quả	5,6	19,9	74,6
2. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực thu thập, xử lý thông tin	5,9	14	80
3. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực giải quyết vấn đề	5,4	14,5	80,1
4. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển năng lực giao tiếp, thuyết trình	5,9	15,1	79
5. Chương trình đào tạo đã giúp anh/chị phát triển khả năng nghiên cứu	6,2	18,8	75

Chương trình đào tạo của Nhà trường không chỉ tập trung vào phát triển kỹ năng học tập cho sinh viên bên cạnh đó còn giúp sinh viên trau dồi, cải thiện các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc. Có 74,6% sinh viên cho rằng chương trình đào tạo giúp xây dựng phương pháp học tập hiệu quả, ngoài ra có trên 80% sinh viên cho rằng chương trình đào tạo giúp hoàn thiện các kỹ năng như: kỹ năng thu thập xử lý thông tin, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp thuyết trình. Các yếu tố này là điểm mạnh của Nhà trường điều này chứng minh rằng Nhà trường đã và đang không ngừng nỗ lực cải tiến nhiều lĩnh vực nhằm mang lại môi trường tốt nhất cho người học.

## **3. Sự hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng phục vụ của Nhà trường**

Bảng 3: Sự hài lòng của sinh viên về chất lượng phục vụ của Nhà trường

<b>Nội dung câu hỏi</b>	<b>Không đồng ý (%)</b>	<b>Phân vân (%)</b>	<b>Đồng ý (%)</b>
1. Anh/Chị hài lòng về trang thiết bị thực hành/thí nghiệm	9,8	22	68,2
2. Anh/Chị hài lòng với tài liệu do Thư viện, GV cung cấp	7,1	12,9	80,1
3. Anh/Chị hài lòng với chính sách hỗ trợ và đội ngũ tư vấn của trường	8,7	17,4	73,9
4. Anh/Chị hài lòng về chất lượng phục vụ nói chung của Nhà trường như: hoạt động do ĐTN, HSV tổ chức; hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao; điều kiện cơ sở vật chất (phòng học, xưởng thực hành/thí nghiệm, thực tập, sân bãi...); chăm sóc sức khỏe v..v	7,9	12	80,1

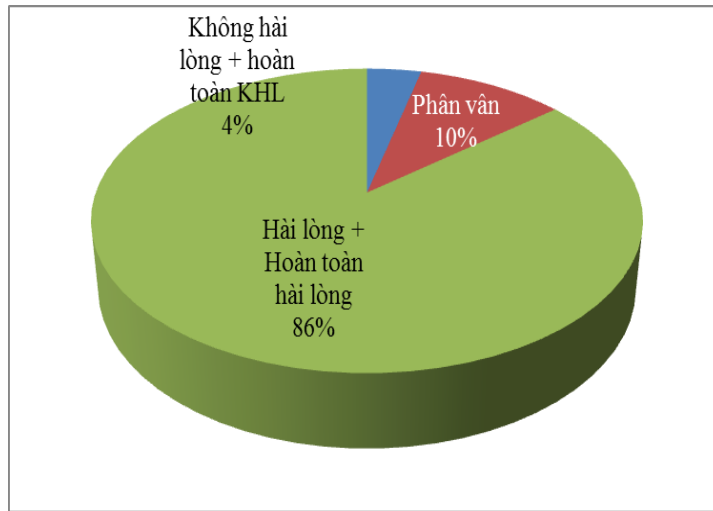
Tỉ lệ sinh viên hài lòng về trang thiết bị là 68,2%. Nhà trường, Khoa nên có sự phối hợp chặt chẽ trong việc cập nhật, cung cấp đầy đủ trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy và học tập.

Về tài liệu Thư Viện, GV cung cấp có đến 80% sinh viên hài lòng. Đây là điểm mạnh của Nhà trường, Nhà trường sẽ tiếp tục cải tiến nhiều hơn nữa về nguồn tài liệu phục vụ việc học tập, nghiên cứu của sinh viên.

Nhìn chung sinh viên khá hài lòng về đội ngũ tư vấn học tập cũng như chất lượng cơ sở vật chất (sân bãi thể thao, phòng học..), các hoạt động đoàn hội, phong trào văn nghệ. Đây là tín hiệu tốt, đề nghị Nhà trường giữ vững và tiếp tục không ngừng nỗ lực cải tiến chất lượng phục vụ giúp sinh viên có môi trường tốt để học tập và rèn luyện bản thân.

#### **4. Sự hài lòng chung của sinh viên về chất lượng chương trình đào tạo**

Từ biểu đồ hình 1 bên dưới cho thấy đa số sinh viên rất hài lòng về chất lượng đào tạo tại trường. Có đến 86% sinh viên bày tỏ quan điểm hài lòng và có 4% sinh viên chưa hài lòng về chất lượng chương trình đào tạo. Để tìm ra nguyên nhân chưa hài lòng của sinh viên, P.ĐBCL sẽ bổ sung thêm câu hỏi tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới sự chưa hài lòng của sinh viên vào phiếu khảo sát từ đó đề ra giải pháp cải tiến nâng cao sự hài lòng của người học về chất lượng đào tạo.



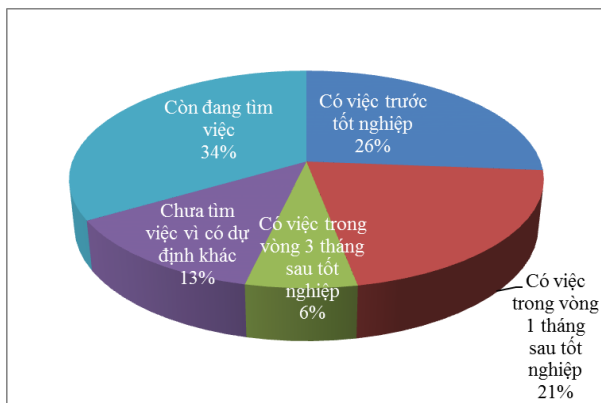
**Hình 1: Sự hài lòng chung của sinh viên về chất lượng đào tạo**

Bên cạnh đó, Nhà trường còn thu thập số liệu khảo sát về tình hình học tập nâng cao của sinh viên tốt nghiệp, có 78,48% sinh viên cho rằng đủ khả năng học cao hơn và có 70,88% sinh viên tốt nghiệp có nhu cầu học cao hơn.

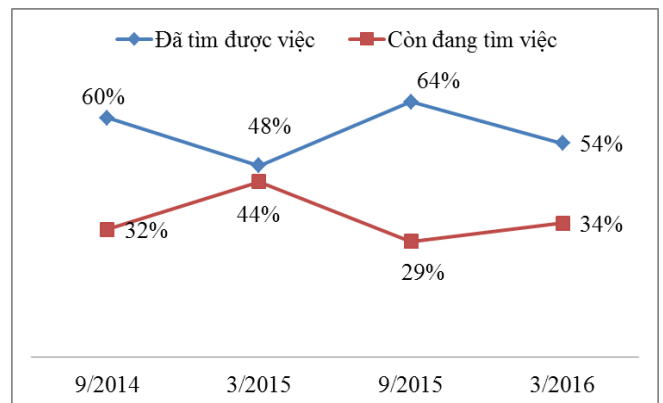
## **Mục B. Khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp**

### **1. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

**Biểu đồ như sau:**



**Hình 2: Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp đợt tháng 3/2016**



**Hình 3: Việc làm của sinh viên qua các đợt tốt**

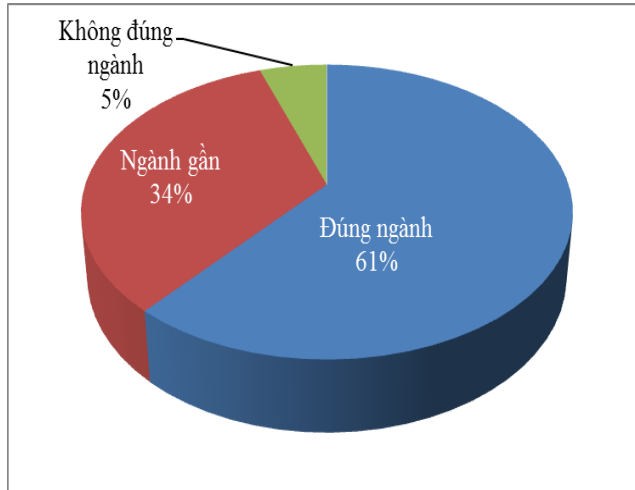
- Biểu đồ **hình 2** là thông tin tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp đợt 3/2016. Trong đó tỷ lệ sinh viên có việc trước tốt nghiệp chiếm 26% và sau 3 tháng có tổng cộng 54% sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

- Từ biểu đồ **hình 3** cho thấy từ tháng 9/2014 đến tháng 3/2016 tỉ lệ bình quân sinh viên tốt nghiệp sau 3 tháng có việc làm là 57%. Ngoài ra, biểu đồ hình 3 so sánh tình hình việc làm của sinh viên qua các đợt tốt nghiệp. Đợt tốt nghiệp tháng 3/2016 có 54% sinh viên tìm được việc làm trong vòng 3 tháng sau tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên ra trường tìm được việc làm giảm so với đợt tháng 9/2015, nguyên nhân là do việc thực hiện khảo sát sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường dựa theo kế hoạch phát bằng của phòng Đào tạo, trong đợt này Nhà trường bố trí phát bằng sớm do đó thực chất thời gian kiểm việc của đa số sinh viên tính đến thời điểm khảo sát chỉ mới 2 tháng. Trong vòng 2 tháng sau tốt nghiệp, tỉ lệ sinh viên có việc làm như vậy là khá cao. Tuy nhiên,

Nhà trường sẽ cải tiến hơn nữa công tác là cầu nối sinh viên với doanh nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa tỷ lệ sinh viên có việc làm, giảm đến mức thấp nhất tỷ lệ sinh viên thất nghiệp.

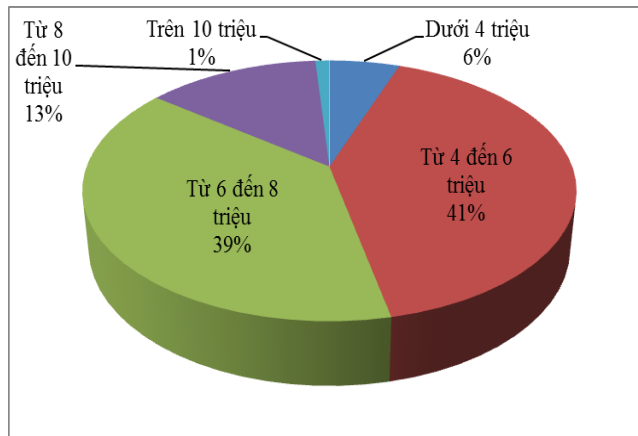
## 2. Tình hình việc làm của sinh viên so với chuyên ngành đã học

Biểu đồ **Hình 4** cho thấy trong số sinh viên đã có việc làm có 61% sinh viên làm đúng với chuyên ngành đã học, 34% sinh viên làm ngành gần và chỉ 5% sinh viên làm việc trái ngành.



**Hình 4: Sinh viên làm việc đúng chuyên ngành**

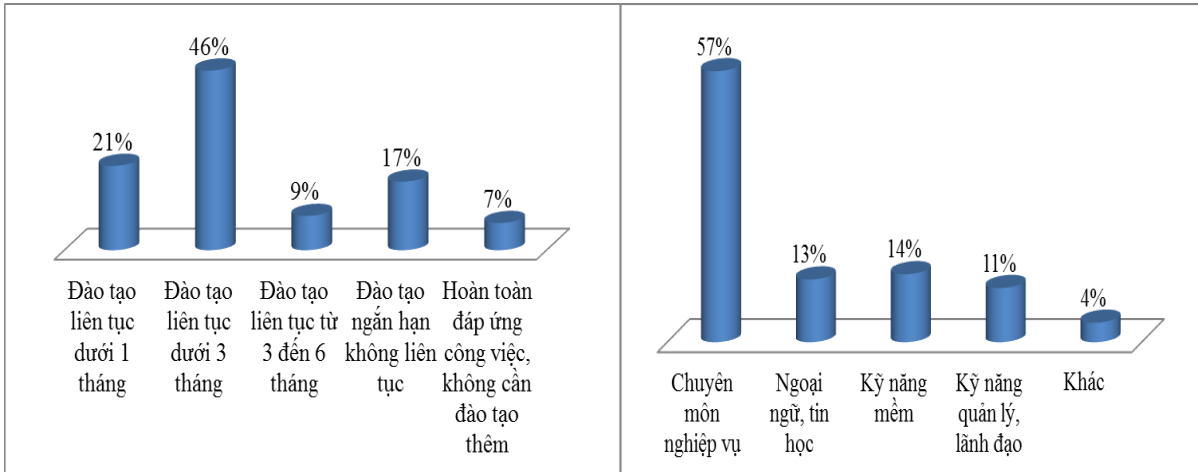
## 3. Thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên tốt nghiệp



**Hình 5: Thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp**

Từ biểu đồ **Hình 5** có thể thấy rằng thu nhập bình quân hàng tháng của sinh viên khoảng 6.5 triệu/tháng. Trong đó có 41% sinh viên tốt nghiệp có mức thu nhập từ 4-6 triệu/tháng và có 39% sinh viên có mức thu nhập từ 6 đến 8 triệu/tháng. Một số sinh viên có thu nhập tương đối, 13% sinh viên có mức lương từ 8 đến 10 triệu/tháng.

#### 4. Nhà tuyển dụng đào tạo thêm khi đi làm



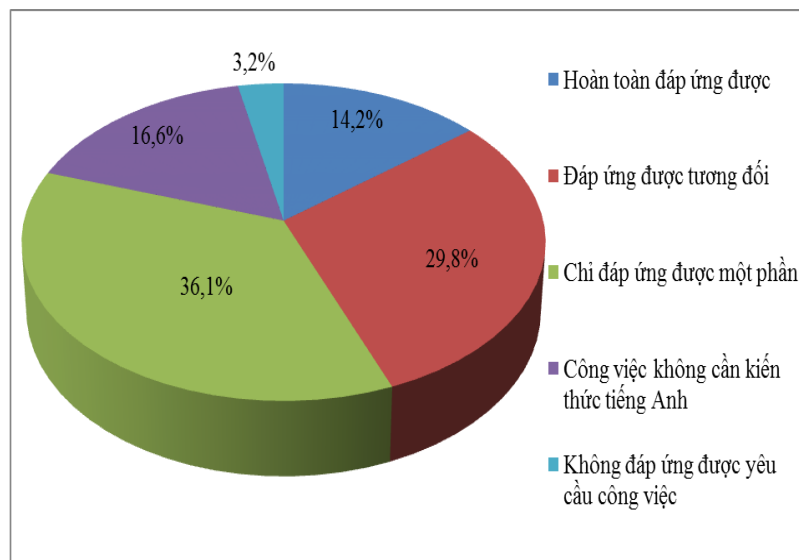
Hình 6: Tình hình đào tạo thêm cho SV

Hình 7: Lĩnh vực đào tạo thêm cho SV

Từ biểu đồ hình 6, cho thấy đa phần sinh viên ra trường đều được các nhà tuyển dụng đào tạo lại. Vì mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau cần những kiến thức nền tảng khác nhau. Lượng kiến thức từ trường là kiến thức chung do đó để đáp ứng được với công việc, việc đào tạo lại là vấn đề tất yếu.

Từ biểu đồ hình 7, có 57% sinh viên được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, 13% được đào tạo về ngoại ngữ, tin học. Đào tạo thêm kỹ năng mềm chỉ 11%.

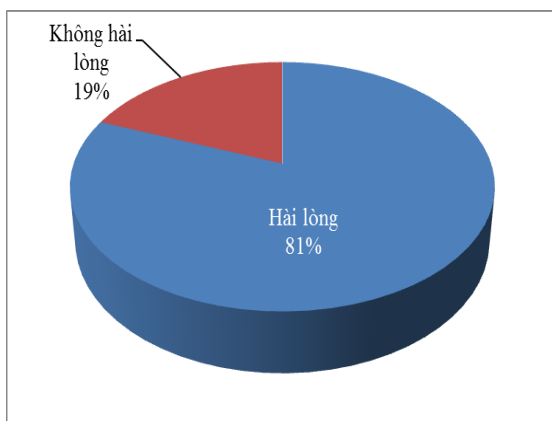
#### 5. Trình độ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc



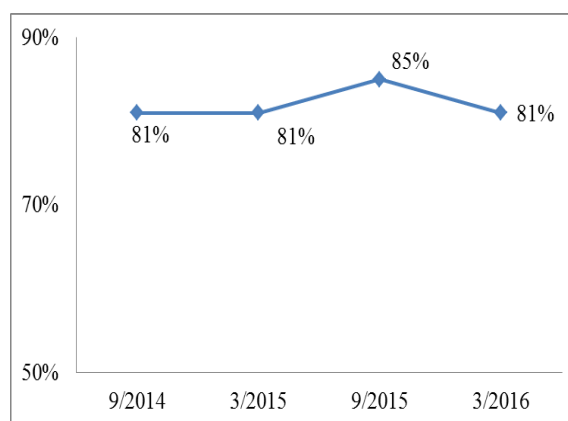
Hình 8: Trình độ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc

Nhìn vào biểu đồ hình 8 có thể thấy được tỉ lệ trình độ tiếng Anh của sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc là chưa cao, 14,2% sinh viên hoàn toàn có thể đáp ứng yêu cầu sử dụng tiếng Anh trong công việc, 29,8% sinh viên đáp ứng được tương đối và 36,1% sinh viên trả lời đáp ứng được một phần. Đây là yếu tố mà Nhà trường cần đặc biệt chú trọng và cải tiến hơn nữa, Nhà trường cần có biện pháp để nâng cao trình độ tiếng Anh của sinh viên trong thời kỳ hội nhập hiện tại.

#### 6. Sự hài lòng của sinh viên về công việc hiện tại



**Hình 9: Tỷ lệ sinh viên hài lòng với công việc hiện tại**



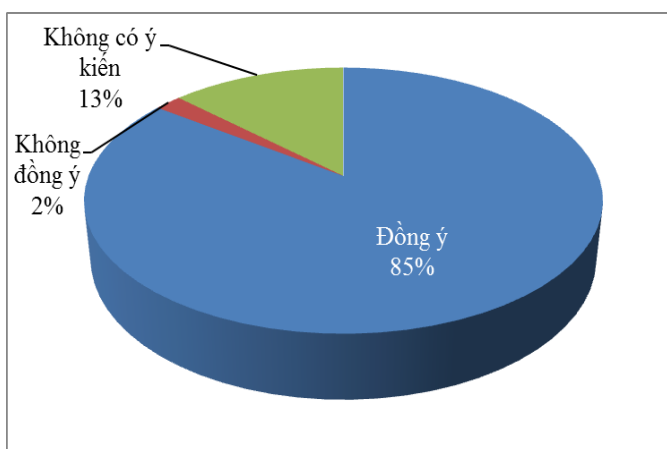
**Hình 10: Tỷ lệ sinh viên hài lòng với công việc hiện tại qua các đợt**

Đa phần sinh viên khá hài lòng với công việc hiện tại, hầu hết tỷ lệ sinh viên hài lòng với công việc qua các đợt đều trên 81%. Chỉ có một số ít sinh viên còn lại chưa hài lòng với công việc có thể do môi trường làm việc không được như mong đợi, làm ca hoặc có thể do chưa đúng chuyên ngành đã học mong muốn tìm công việc tốt hơn, mức lương phù hợp hơn.

Bên cạnh khảo sát về chất lượng chương trình đào tạo, tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, Nhà trường đã khảo sát thêm thông tin về mức độ tin nhiệm của sinh viên về trường.

**Bảng 4: Mức độ tin nhiệm của sinh viên tốt nghiệp về trường**

Nội dung câu hỏi	Không đồng ý (%)	Phân vân (%)	Đồng ý (%)
Nếu có cơ hội khuyên hoặc tư vấn người thân, bạn bè chọn trường đại học Anh/Chị có khuyên họ thi vào trường ĐHSPKT TP.HCM không?	13%	2%	85%



**Hình 11: Mức độ tin nhiệm của SV với Nhà trường**

Từ số liệu thống kê và biểu đồ cho thấy sinh viên tốt nghiệp hoàn toàn tin tưởng vào chất lượng giáo dục của trường ĐH SPKT TP.HCM, có đến 85% sinh



viên sẵn sàng tư vấn, giới thiệu về trường cho thế hệ sau theo học. Đây là điểm mạnh của Nhà trường, yếu tố này sẽ là động lực thúc đẩy Nhà trường ngày càng cố gắng và nỗ lực hơn trong công tác giảng dạy, hoàn thành tốt vai trò trong sự nghiệp giáo dục đại học của mình.

#### IV. Kiến nghị

1. **Cơ hội việc làm:** Tỷ lệ sinh viên có việc làm đợt này đạt trên 54%, mặc dù có những nguyên nhân đáng kể nhưng Nhà trường vẫn cần có biện pháp để cải tiến, nâng cao tỷ lệ này. Đề nghị Nhà trường nỗ lực hơn trong công tác hoạt động hướng nghiệp cho SV, kết nối sinh viên với doanh nghiệp: tổ chức Hội chợ việc làm, đưa doanh nghiệp đến trường gặp gỡ sinh viên, đưa SV đến với doanh nghiệp,....tạo thêm nhiều cơ hội để sinh viên mau chóng tìm được việc làm.
2. **Chương trình đào tạo và chất lượng phục vụ:** Nhìn chung sinh viên hài lòng về chất lượng đào tạo của Nhà trường. Tuy nhiên, tỷ lệ đào tạo thêm vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn. Đề nghị Nhà trường tiếp tục tăng cường, cải tiến và hoàn thiện hơn về chất lượng đào tạo, môi trường học tập nghiên cứu.  
  
Ngoài ra, về chất lượng phục vụ của Nhà trường cũng được sinh viên đánh giá cao, đề nghị Nhà trường tiếp tục duy trì và cải tiến hơn về chất lượng phục vụ tạo điều kiện tốt nhất cho người học và người dạy.
3. **Tiếng Anh:** Theo số liệu khảo sát, trình độ tiếng Anh của sinh viên chưa cao, chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của công việc. Nhà trường nên chú trọng hơn việc giảng dạy tiếng Anh, không chỉ chú trọng khả năng giao tiếp, mà đối với sinh viên thuộc khối ngành kỹ thuật, kỹ năng đọc hiểu cũng khá quan trọng. Nhà trường cần xem xét lại phương pháp giảng dạy để cải tiến nhiều hơn nữa về yếu tố ngoại ngữ vì đây là yếu tố hàng đầu trong thời kỳ hội nhập hiện tại.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (*để biết*);
- Các đơn vị (*gửi email*);
- Lưu phòng ĐBCL.

#### **P. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**



**Phan Thị Thu Thủy**